

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 24 - 4 - 2024.
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly
hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Đình Tùng và bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 01/2024/TB-TA ngày 02 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024; giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** anh Nguyễn Văn D - sinh năm 1987;

* **Bị đơn:** chị Nguyễn Thị Kiều D - sinh năm 1989;

Cùng nơi thường trú và nơi ở hiện nay: thôn T B, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn D - sinh năm 1987;

2. Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1981;

3. Chị Đinh Thị H - sinh năm 1984;

Cùng nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn T B, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

Chị Đinh Thị H ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa anh D, chị D, anh T đều có mặt. Khi tuyên án chị D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2023, bản tự khai, nguyên đơn - anh Nguyễn Văn D trình bày:* anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Kiều D vào năm 2009, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 19/3/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn đến khi chị D sinh cháu lớn được 6 tháng thì giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nhỏ, sau đó chị D đã bỏ đi khỏi nhà. Được khoảng gần một năm sau, thì chị D lại quay về vợ chồng tiếp tục chung sống. Trong quá trình chung sống chị D thường xuyên vay tiền để chơi bời, dẫn đến nợ nần, vợ chồng lại nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã. Sau mỗi lần, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị D lại bỏ đi. Lần bỏ đi gần đây nhất là chị D bỏ đi từ tháng 10/2022 cho đến nay, trong thời gian chị D đi khỏi nhà, thỉnh thoảng chị D có về nhà gây sự và chửi bới gia đình anh. Đến nay, anh xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, khả năng đoàn tụ không còn. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều D.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B - sinh ngày 13/02/2010; cháu Nguyễn Thị Bảo T - sinh ngày 28/4/2014 và cháu Nguyễn Văn Q - sinh ngày 21/01/2020. Từ khi chị D bỏ đi chị D mang theo cháu Ngọc B, còn cháu Bảo T và cháu Q ở với anh. Nếu ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Bảo T và cháu Q và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Ngọc B cho chị Diễm tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng đều không có.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có những tài sản chung sau: 01 thửa đất số 69, tờ bản đồ PL23; địa chỉ: thôn T B, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam; diện tích 388m²; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng; 01 nhà mái bằng và công trình phụ khép kín; diện tích 100m²; xây năm 2014; 02 xe máy; 01 bộ bàn ghế; 01 tủ lạnh. Nay ly hôn, anh đề nghị Tòa án phân chia mỗi người một nửa, do thửa đất này có nguồn gốc là của bố mẹ anh

cho, nên anh có nguyện vọng được sử dụng hiện vật và sẽ thanh toán cho chị D tiền chênh lệch tài sản.

- Về công nợ: vợ chồng không có, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Vợ chồng không có gì nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không còn đề nghị gì khác.

* *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều D trình bày:* chị kết hôn với anh Nguyễn Văn D vào năm 2009, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do khi chị mang thai cháu thứ tư, đi siêu âm thì là cháu gái, nên anh D đã chửi bới, đánh đập chị, chị đi làm về thì không cho vào nhà nhiều lần, vì vậy chị đã phải đi ngủ nhờ hàng xóm, thì mẹ chồng chị xuống nhà họ chửi và cấm họ không cho chị ngủ nhờ. Khiến cho chị phải đi lang thang, sau đó mấy người làm cùng đã xin cho chị ở nhờ nhà kho của công ty. Sau đó, để ổn định cuộc sống chị đã đi thuê nhà để ở. Trong thời gian chị ra ngoài ở, anh D vẫn tiếp tục gọi điện thoại chửi bới chị và ra tận chỗ chị làm việc để chửi bới (cụ thể là ngày 22/11/2022 âm lịch). Do công việc vất vả, áp lực từ phía chồng cho nên chị đã bị xảy thai, sau đó chị về nhà thì bị chồng và gia đình nhà chồng chửi bới, đánh đập, đồ xăng lên người. Bản thân anh D cũng đã có người phụ nữ khác, dẫn đến việc anh D về nhà chửi bới, đánh đập vợ, con nhiều lần. Trong thời gian, chị ra khỏi nhà anh D đã chửi bới, đánh đập, thường xuyên không cho cháu Nguyễn Thị Ngọc B là cháu lớn vào nhà ngủ. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Nhưng nếu anh D kiên quyết xin ly hôn với chị, chị cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B - sinh ngày 13/02/2010, cháu Nguyễn Thị Bảo T - sinh ngày 28/4/2014 và cháu Nguyễn Văn Q - sinh ngày 21/01/2020. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc B, giao hai cháu Nguyễn Thị Bảo T và cháu Nguyễn Văn Q cho anh Nguyễn Văn D nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: vợ chồng có những tài sản chung sau: 01 thửa đất số 69, tờ bản đồ PL 23, diện tích 388 m², địa chỉ: Đội 1 T B, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam, nguồn gốc của thửa đất là của bố mẹ anh D cho; 01 nhà ở 01 tầng, công trình phụ khép kín, xây năm 2014, đã hoàn thiện, diện tích 105m²; 02 xe máy (01 xe Wave và 01 xe Air Blade) cả hai chiếc xe trên anh D đều đang sử

dụng; 01 mái tôn diện tích 120 m²; công trình phụ để chăn nuôi; 01 bể nước và các vật dụng gia đình gồm tủ lạnh, bàn ghế. Khi ly hôn, chị đề nghị mỗi người được hưởng một nửa số tài sản trên.

- Về công nợ: chị xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Ngoài ra chị có yêu cầu anh D phải bồi thường tuổi thanh xuân cho chị 200.000.000 đồng và yêu cầu anh D phải trả cho chị tiền thuê nhà từ tháng 10/2022 đến nay là 11 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, tổng là 11.000.000 đồng.

* *Tại Bản tự khai cháu Nguyễn Thị Ngọc B có ý kiến:* nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ. Cháu Nguyễn Thị Bảo T có ý kiến: nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với bố.

* *Tại Bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn D trình bày:* năm 2020, anh được bố mẹ để anh là ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị H cho 01 thửa đất tại thôn T B, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam. Thửa đất trên liền kề với thửa đất của anh và chị D. Trong quá trình sử dụng anh và chị D có xây dựng một số công trình nhỏ trên thửa đất như bể nước, trụ cổng, cánh cổng, một phần sân bê tông, một phần mái tôn. Đến nay, anh và chị D ly hôn, phân chia tài sản chung của vợ chồng, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Tại Bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị H trình bày:* anh chị có thửa đất số 16, tờ bản đồ PL23 tại thôn Thanh Bồng, xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, nguồn gốc là của bố mẹ để anh T là ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị H cho. Trong quá trình sử dụng vợ chồng anh chị có tặng cho vợ chồng anh Nguyễn Văn D một phần đất là 388m²; tặng cho riêng anh Nguyễn Văn D một thửa đất có diện tích 214 m². Trong quá trình sử dụng vợ chồng anh chị có xây tường bao lùm lại phần đất của vợ chồng có diện tích khoảng hơn 60m². Đến nay, anh D và chị Diễm ly hôn và phân chia tài sản chung, anh chị đề nghị Tòa án chỉ phân chia đối với phần đất riêng của anh D, chị D, còn phần đất của vợ chồng anh chị thì phải trả lại cho anh chị.

* *Xác minh tại UBND xã Thanh Nghị xác định:* về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 19/3/2009. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn Thanh Bồng, xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; vợ chồng hay xảy ra va chạm, đánh cãi chửi nhau, chính quyền địa phương và các đoàn thể đã nhiều lần phải can thiệp. Từ tháng 10 năm 2022 đến nay, chị D đã chuyển ra ngoài ở vợ

chồng sống ly thân từ đó đến nay. Khoảng tháng 3/2023, anh D có đơn xin ly hôn với chị D, sau khi nhận được đơn của anh D, chính quyền địa phương đã tiến hành các buổi hòa giải để vợ chồng anh chị suy nghĩ lại và về đoàn tụ. Nhưng anh D vẫn kiên quyết ly hôn với chị D, còn chị D có ý kiến mặc dù không muốn ly hôn nhưng nếu anh D kiên quyết chị cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Quan điểm của chính quyền địa phương xét thấy mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D đã thực sự trầm trọng, khả năng đoàn tụ là không còn; đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: vợ chồng anh chị có 3 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B - sinh ngày 13/02/2010, cháu Nguyễn Thị Bảo T - sinh ngày 28/4/2014 và cháu Nguyễn Văn Q - sinh ngày 21/01/2020. Theo nắm bắt của địa phương thì khi chị D bỏ đi khỏi nhà thì có mang theo cháu lớn là cháu Ngọc B đi cùng, còn hai cháu nhỏ hiện đang ở với anh D. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu Ngọc B cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao hai cháu nhỏ là cháu Bảo T và cháu Q cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: nếu các đương sự có yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: tại địa phương anh chị có 01 thửa đất số 69, tờ bản đồ số PL 23; địa chỉ: thôn T B, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam, trên thửa đất này anh chị đã xây dựng 01 căn nhà và mua sắm một số vật dụng gia đình như Tòa án đã xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Ngoài ra anh chị có tài sản nào ở nơi khác không, thì địa phương không nắm rõ.

- Về công nợ: anh chị không nợ các khoản gì đối với địa phương; còn anh chị có nợ cá nhân, tập thể nào khác hay không, thì chính quyền địa phương không nắm rõ.

Hiện nay cả anh D và chị D đều đang làm công nhân tại các Công ty trên đại bàn xã Thanh Nghị, mức lương và thu nhập của anh chị như thế nào thì địa phương không rõ.

* **Tại phiên hoà giải:** anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D đã thống nhất được:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D thống nhất xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

- Về con chung: Anh chị cùng xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B - sinh ngày 13/02/2010; cháu Nguyễn Thị Bảo T - sinh ngày 28/4/2014 và cháu Nguyễn Văn Q - sinh ngày 21/01/2020. Khi ly hôn anh, chị thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Ngọc B cho chị Diễm trực tiếp nuôi dưỡng; giao

hai cháu Nguyễn Thị Bảo T và cháu Nguyễn Văn Q cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Con nuôi, con riêng không có, hiện nay chỉ D không có thai.

- Về tài sản chung anh chị thống nhất vợ chồng có những tài sản chung sau:

+ 01 thửa đất số 69 tờ bản đồ số PL23 địa chỉ thửa đất ở thôn T B, xã T N, huyện Thanh Liêm diện tích 642m² trong đó có 358m² đất ở 30m² đất trồng cây lâu năm còn lại là đất của Ủy ban. Trên đất có 03 cây nhãn, 01 cây na.

+ 01 nhà mái bằng diện tích 100m²; cầu thang ngoài trời.

+ Sân bê tông (một phần nằm trên đất của anh D), mái tôn (một phần của mái tôn nằm trên đất của anh D), 02 bể nước (trong đó có 01 bể nước nhỏ nằm toàn bộ trên thửa đất của anh D, 01 bể nước to nằm một phần trên thửa đất của anh D), 01bể phốt, tường rào, 02 trụ cổng (01 trụ cổng nằm trên đất của anh D) và hai cánh cổng.

+ Công trình chăn nuôi.

+ 02 xe máy (gồm 01 xe AiBlade, 01 xe Wave), 01 bộ bàn ghế, 01 tủ lạnh.

Tổng giá trị các tài sản theo biên bản định giá tài sản ngày 21/11/2023 tổng trị giá là: 488.042.000 đồng.

Khi ly hôn anh chị thống nhất phân chia tài sản chung vợ chồng như sau:

- Giao cho anh Nguyễn Văn D được sử dụng 01 chiếc xe Air Blade màu đỏ; BKS: 90B3- 524.02 trị giá 30.000.000 đồng; 01 tủ lạnh trị giá 2.500.000 đồng; 01 bộ bàn ghế trị giá 2.500.000 đồng; giao cho chị Nguyễn Thị Kiều D được sử dụng 01 xe máy nhãn hiệu Wave, BKS: 90B1 - 527.51 trị giá: 4.000.000 đồng. Anh D có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản về phần này cho chị D là: 15.500.000 đồng.

- Giao cho anh Nguyễn Văn D được sử dụng các tài sản xây trên phần đất riêng của anh D gồm: tường rào phía Nam dài 6,46 m trị giá: 536.000 đồng, 01 trụ cổng trị giá: 480.000 đồng; tường rào phía Bắc (dài 2,7m) trị giá 316.000 đồng, tổng là: 1.332.000 đồng; anh D có trách nhiệm thanh toán cho chị D 666.000 đồng.

- Toàn bộ phần mái tôn hai bên thống nhất tự tháo dỡ và chia không đề nghị tòa án giải quyết. Đối với hai bể nước trong đó bể nhỏ nằm hoàn toàn trên đất của anh D, bể lớn nằm một phần trên đất của anh D. Cả hai anh chị thống nhất tháo dỡ để trả lại mặt bằng cho anh D và không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về phần tài sản chung còn lại:

+ Anh Nguyễn Văn D có ý kiến: đề nghị chia đôi toàn bộ nhà và đất theo chiều dọc ai ở phần nào có nhiều tài sản thì phải thanh toán chênh lệch cho bên kia.

+ Chị Nguyễn Thị Kiều D có ý kiến: vì hiện nay chị không có chỗ ở, nên đề nghị chia đôi nhà theo chiều ngang và chia đôi đất để chị có chỗ ở nuôi con. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị D có đề nghị anh D bồi thường thanh toán cho chị 200.000.000 đồng; tiền thuê nhà là 11.000.000 đồng đến nay chị không yêu cầu nữa.

- Về chi phí tố tụng gồm: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên toà:**

- Tại phiên toà các ngày 21/02/2024 và ngày 13/3/2024, anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D đã đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để tự thoả thuận giải quyết về phần tài sản chung. Đến ngày 25/3/2024, anh D, chị D có đơn đề nghị Tòa án chỉ giải quyết phân chia thửa đất số 69, tờ bản đồ PL23; địa chỉ: thôn Thanh Bông, xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam các tài sản khác anh chị đã tự thoả thuận giải quyết xong, không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

- Tại phiên toà ngày 24/4/2024, anh Nguyễn Văn D có ý kiến: giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều D đồng thời xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo T và cháu Nguyễn Văn Q, giao cháu Nguyễn Thị Ngọc B cho chị Nguyễn Thị Kiều D tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Về tài sản chung: anh chỉ đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 69, tờ bản đồ PL23, địa chỉ: thôn T B, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam, có diện tích 388 m² (trong đó đất ONT là 358 m² và 30 m² đất trồng cây lâu năm) khi làm đường ngõ xóm anh chị tự nguyện hiến 08 m² đất ONT để làm đường nay chỉ còn 380 m² (trong đó đất ONT là 350 m² và 30 m² đất trồng cây lâu năm). Khi ly hôn, anh xin được hưởng một nửa còn các tài sản khác anh không đề nghị giải quyết. Về chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 5.460.000 đồng, anh tự nguyện nộp và không yêu cầu chị D phải thanh toán cho anh.

+ Ý kiến của chị Nguyễn Thị Kiều D: chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên không nhất trí ly hôn. Về con chung: nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, chị xin được nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc B, giao cháu Nguyễn Thị Bảo T và cháu Nguyễn Văn Q cho anh Nguyễn Văn D nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung: chị xác định hiện vợ chồng chỉ còn 01 thửa đất tại: thôn T B, xã T N như anh D trình bày là đúng. Khi ly hôn chị đề

ngợi Tòa án chia đôi mỗi người được hưởng một nửa còn các tài sản khác đã tự thỏa thuận giải quyết xong.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T có ý kiến: bức tường xây phía Đông của thửa đất của anh tiếp giáp với phía Tây đất của vợ chồng anh D, chị D là do anh xây, khi anh xây có để lại một phần đất. Nay anh D, chị D ly hôn anh đề nghị Tòa án chia đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ang D, chị D đã được cấp.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 29, 33, 51, 56, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D - xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D. Về con chung: chấp nhận thỏa thuận của các đương sự; giao cháu Nguyễn Thị Ngọc B - sinh ngày 13/02/2010 cho chị Nguyễn Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Bảo T - sinh ngày 28/4/2014 và cháu Nguyễn Văn Q - sinh ngày 20/01/2020 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: chia cho anh D được quyền quản lý, sử dụng 175 m² đất ONT và 15 m² đất trồng cây lâu năm. Chia cho chị D được quyền quản lý, sử dụng 175 m² đất ONT và 15 m² đất trồng cây lâu năm.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: anh D tự nguyện chịu số tiền 5.460.000 đồng, nay đã nộp và quyết toán xong, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm, án phí phân chia tài sản: các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn

D có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Kiều D đăng ký thường trú tại thôn T B, xã T N, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D là tự nguyện và hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, sau đó chị D đã nhiều lần bỏ đi khỏi nhà, lần gần đây nhất là chị D đã bỏ đi từ tháng 10/2022 cho đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, anh Nguyễn Văn D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, chị D không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho ly hôn giữa anh D và chị D.

[3] Về con chung: anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D cùng thống nhất vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B - sinh ngày 13/02/2010, cháu Nguyễn Thị Bảo T - sinh ngày 28/4/2014 và cháu Nguyễn Văn Q - sinh ngày 21/01/2020. Khi ly hôn, anh chị thoả thuận giao cháu Nguyễn Thị Ngọc B cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao hai cháu Nguyễn Thị Bảo T và cháu Nguyễn Văn Q cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: thoả thuận của anh chị về việc nuôi con chung sau khi ly hôn là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các bên, cũng như nguyện vọng của các cháu, nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: anh D và chị D thống nhất không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Về tài sản chung anh chị thống nhất vợ chồng có những tài sản chung sau:

+ 01 thửa đất số 69 tờ bản đồ số PL23 địa chỉ thửa đất ở thôn T B, xã T N, huyện Thanh Liêm diện tích 642m² trong đó có 358m² đất ở và 30m² đất trồng cây lâu năm, còn lại là đất của Ủy ban. Trên đất có 03 cây nhãn, 01 cây na.

+ 01 nhà mái bằng diện tích 100m²; cầu thang ngoài trời.

+ Sân bê tông, mái tôn, 02 bể nước, 01bể phốt, tường rào, trụ cổng và hai cánh cổng.

+ Công trình chăn nuôi.

+ 02 xe máy (gồm 01 xe AiBlade, 01 xe Wave), 01 bộ bàn ghế, 01 tủ lạnh.

Tổng giá trị các tài sản theo biên bản định giá tài sản ngày 21/11/2023 tổng trị giá là: 488.042.000 đồng (trong đó giá trị của thửa đất là 126.650.000 đồng). Tại phiên hòa giải ngày 15/12/2023, anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D đã thống nhất tự thỏa thuận được một số các tài sản chung gồm có: 02 xe máy, 01 bộ bàn ghế, 01 tủ lạnh và một số công trình xây dựng trên phần đất của anh D, nên không đề nghị Tòa án giải quyết đối với các tài sản trên. Sau khi Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử đối với vụ án trên, anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D đã đề nghị tạm ngừng phiên tòa để tự hòa giải giải quyết tài sản chung là nhà ở, mái tôn, bể nước, cây cối và đã tự thỏa thuận giải quyết (tháo dỡ) xong. Tại đơn đề nghị ngày 25/3/2024 và tại phiên tòa ngày hôm nay cả anh D và chị D chỉ đề nghị Tòa án phân chia thửa đất số 69, tờ bản đồ PL 23; địa chỉ: thôn T B, xã T N, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Ngày 26/3/2024 Tòa án kết hợp cùng chính quyền địa phương tiến hành kiểm tra hiện trạng thấy toàn bộ tài sản trên đất đã được anh chị tháo dỡ, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết tài sản còn lại là thửa đất trên.

Đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ PL23; địa chỉ: thôn T B, xã T N, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam có diện tích 388m² (trong đó có 358 m² đất ONT và 30 m² đất trồng cây lâu năm), hiện đã được UBND huyện Thanh Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh D và chị D, có nguồn gốc là của bố mẹ để anh D cho trong thời kỳ hôn nhân, anh D nhất trí nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng. Thửa đất trên đã được Hội đồng định giá có giá trị 126.650.000 đồng. Khi làm đường, anh chị đã tự nguyện hiến 08m² đất ONT để làm đường, nên thửa đất trên chỉ còn 380 m² (trong đó 350m² đất ONT và 30 m² đất trồng cây lâu năm) có giá trị là 123.850.000 đồng. Đến nay anh, chị đều có nguyện vọng được hưởng $\frac{1}{2}$ thửa đất. Xét nguyện vọng của anh chị đều chính đáng, phù hợp thực tế và pháp luật, vì vậy chấp nhận.

[5] Về công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng: hết 5.460.000 đồng, anh Nguyễn Văn D đã tự nguyện nộp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D phải chịu án phí phân chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 157, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 29, 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

1. Về hôn nhân: xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kiều D.

2. Về con chung: chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Nguyễn Thị Ngọc B - sinh ngày 13/02/2010 cho chị Nguyễn Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Bảo T - sinh ngày 28/4/2014 và cháu Nguyễn Văn Q - sinh ngày 21/01/2020 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Kiều D được quyền quản lý, sử dụng 175 m² đất ONT và 15 m² đất CLN (trị giá 61.925.000 đồng) tại vị trí phía Tây của thửa đất số 69, tờ bản đồ PL 23; địa chỉ: thôn Thanh Bông, xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Mốc giới được xác định bởi các điểm 6,4,9,10 trên sơ đồ phân chia tài sản, có kích thước tứ cận như sau: phía Bắc giáp với đường ngõ xóm có chiều dài 5,94m (từ điểm số 4 đến điểm số 9). Cạnh phía Đông tiếp giáp với phần đất giao cho anh D có chiều dài 31,77m (từ điểm số 9 đến điểm số 10). Cạnh phía Nam tiếp giáp với phần đất của UB có chiều dài 6,04m (từ điểm số 10 đến điểm số 6). Cạnh phía Tây tiếp giáp với đất hộ anh T có chiều dài 31,81m (từ điểm số 6 đến điểm số 4).

- Giao cho anh Nguyễn Văn D được quyền quản lý, sử dụng 175 m² đất ONT và 15 m² đất CLN (trị giá 61.925.000 đồng) tại vị trí phía Đông của thửa đất số 69, tờ bản đồ PL 23; địa chỉ: thôn Thanh Bông, xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Mốc giới được xác định bởi các điểm 7, 8, 9, 10 trên sơ đồ phân chia tài sản, có kích thước tứ cận như sau: phía Bắc giáp với đường ngõ xóm có chiều dài 5,94m (từ điểm số 8 đến điểm số 9). Cạnh phía Tây tiếp giáp với phần đất giao cho chị D có chiều dài 31,77m (từ điểm số 9 đến điểm số 10). Cạnh phía Nam tiếp giáp với phần đất của UB có chiều dài 6,04m (từ điểm số 10 đến điểm số 7). Cạnh phía Đông tiếp giáp với thửa đất riêng của anh D có chiều dài 31,69m (từ điểm số 7 đến điểm số 8); (có sơ đồ kèm theo).

Anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Kiều D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Án phí: án phí ly hôn sơ thẩm: anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000 đồng, án phí phân chia tài sản anh Nguyễn Văn D phải nộp 3.096.250 đồng (làm tròn 3.096.000 đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí là 9.300.000 đồng mà anh D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm theo biên lai số 0001336 ngày 02/8/2023, trả lại cho anh Nguyễn Văn D số tiền 5.904.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Kiều D phải nộp tiền án phí phân chia tài sản là: 3.096.250 đồng (làm tròn 3.096.000 đồng).

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh